TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 8 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thanh Hùng

Bà Hà Thị Hoà

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 52/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Cầm Thị T; sinh năm: 1996; HKTT: Thôn Đ, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: Làng C, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Văn C; sinh năm: 1991; HKTT: Thôn Đ, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt chị T, anh C. Chị T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Cầm Thị T trình bày: Chị và anh Bùi Văn C kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 11/9/2015 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được khoảng 05 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm

tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Bùi Thị Hà V, sinh ngày 26/10/2016, cháu Bùi Huy T1, sinh ngày 05/8/2018 và cháu Bùi Trung T2, sinh ngày 05/7/2022. Hiện cháu V và cháu T1 đang ở với anh C, cháu T2 đang ở với chị T. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T2; giao cháu V và cháu T1 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Bùi Văn C trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được khoảng 05 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Bùi Thị Hà V, sinh ngày 26/10/2016, cháu Bùi Huy T1, sinh ngày 05/8/2018 và cháu Bùi Trung T2, sinh ngày 05/7/2022. Hiện cháu V và cháu T1 đang ở với anh C, cháu T2 đang ở với chị T. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V và cháu T1; giao cháu T2 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh C không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh C không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt cả hai bên đương sự theo quy định của BLTTDS. Về giao nhận, tống đạt văn bản tố tụng Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Cầm Thị T được ly hôn anh Bùi Văn C. Giao cháu Bùi Thị Hà V, sinh ngày 26/10/2016 và cháu Bùi Huy T1, sinh ngày 05/8/2018 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Bùi Trung T2, sinh ngày 05/7/2022 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Cầm Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Bùi Văn C, nơi cư trú tại Thôn Đ, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh C không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh C theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh C đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh C đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Chị Cầm Thị T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Bùi Văn C lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng anh C vẫn vắng mặt mà không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt chị T, anh C.

[2] Về hôn nhân: Chị Cầm Thị T và anh Bùi Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11/9/2015 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Chị T và anh C đều có nguyện vọng muốn được ly hôn. Điều đó chứng tỏ chị T, anh C đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh C.

[3] Về con chung: Chị T và anh C có 03 con chung. Xét thấy, hiện tại cháu V và cháu T1 đang ở với anh C, cháu T2 đang ở với chị T. Cháu V có nguyện vọng muốn được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Cháu T2 chưa đủ 03 tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cháu được giao cho chị T trực tiếp nuôi. Chị T và anh C đã tự nguyện thống nhất về việc giao người trực tiếp nuôi con. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho các cháu, cũng như theo nguyện vọng của cháu V. Chấp nhận yêu cầu của chị T và anh C: giao cháu V và cháu T1 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu T2 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của chị T và anh C, đây là sự tự nguyện của chị T và anh C, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Chị T, anh C không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Cầm Thị T được ly hôn anh Bùi Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Hà V, sinh ngày 26/10/2016 và cháu Bùi Huy T1, sinh ngày 05/8/2018 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Bùi Trung T2, sinh ngày 05/7/2022 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Cầm Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, theo biên lai số 0004325 ngày 15/5/2024. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị T, anh C có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- UBND xã Kiên Thọ;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thịnh